

NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ CỦA NGUYỄN TUÂN

Bài làm

Cái nhan đề Người lái đò sông Đà ủa vào ta một liên tưởng kép: Nguyễn Tuân xưng tụng ông lái đò tài hoa trí dũng trên dòng sông thiên nhiên bạo liệt, còn ngôn ngữ Nguyễn Tuân lại hòa nhau xưng tụng tác giả của nó như một ông lái bạc thầy con thuyền chữ trên một dải sông vẫn không kém thác ghềnh. Bài ca lao động và bài ca ngôn từ song hành trong một áng kí lạ. Thì chính Nguyễn Tuân đã hạ bút ngay từ khúc dạo đầu: “Chúng thủy giai đông tâu, Đà giang độc bắc lưu” (Mọi con sông đều chảy về đông, chỉ có sông Đà ngược bắc).

Câu đề từ của Nguyễn Tuân vừa thâm tóm lấy cái thần sông Đà, vừa tóm luôn cái thần chữ của mình. Một mặt bắc lưu là sự cưỡng lại đông tâu, cái riêng độc đáo là sự cưỡng lại sức xói mòn của cái chung nhàm cũ. Mặt khác, bắc lưu chỉ tồn tại trước đông tâu, cái riêng độc đáo chỉ tồn tại trước cái chung khi nó đồng nghĩa với cái cao hơn sự khác lạ là cái sáng tạo (tức là cái độc đáo phải trở thành cái riêng mang giá trị). Phi giá trị, cái riêng hóa trò chơi duy mỹ. Đó là nguyên tắc của phép lạ hóa văn chương, để vừa chối bỏ sự nhàm lạp của cái chung, vừa hội nhập với cái chung mang giá trị văn chương bền vững. Còn nguyên tắc riêng của phép lạ hóa ngôn ngữ Nguyễn Tuân? Trong kho từ vựng Việt, ngôn ngữ mang bản tính nguyên thủy của một vật liệu tĩnh, lạnh, khá ổn định. Tài năng nghệ sĩ là biết vung cây gậy thần biến nó thành chất liệu động và nóng, phập phồng sự sống. Nổi trội trong các tài năng, văn Nguyễn Tuân là thứ ngôn từ nóng giãy sự sống. Có thể coi bài kí sông Đà này là cuộc thí nghiệm tâm đắc của ngôn ngữ nóng Nguyễn Tuân. Đầu tiên, sức nóng ngôn ngữ Nguyễn Tuân cũng tìm được một đối tượng “nóng”: sông Đà. Con sông độc lạ ấy thật thích hợp với một ngòi bút độc lạ. Ngôn ngữ Nguyễn Tuân đã lay con sông vô tri thức dậy, tưới linh hồn vào nó, và ông khai sinh dòng sông nghệ thuật của mình bằng một cái tên đủ in luôn tính nét vào đó: “hung bạo và trữ tình”. Nếu chỉ có một vế, con sông sẽ lười nhác trong đơn giản. Tính cách sông Đà phải là một hệ thống những phẩm chất đối chọi nhau như nước với lửa, và phải từ những nghịch lí nghịch âm ấy, con sông mới có điều kiện phô bày hết vẻ phức tạp phong phú, đầy hấp dẫn của mình. Đầu tiên là con thác – tâm điểm dữ dội của sông Đà. Nước dữ, đá đành. Đá cũng dữ. Đứng ra là do đá dữ mà nước dữ. Vậy thì cần phải dựng đá dậy cho lộ bản chất của nó ra. Và Nguyễn Tuân hạ một so sánh đắc địa: “Một hòn (đá) ấy trông nghiêng thì y như là đang hát hàm hỏi cái thuyền phải xưng tên tuổi trước khi giao chiến”. Trong công thức $A = B$ của so sánh, cái độc lạ của Nguyễn Tuân chủ yếu tỏa sắc ở vế B. Trong câu văn trên, ông chêm động từ hát hàm vào B để mang đến cho nó một năng lượng sống, đủ khả năng truyền hồn vào đá vô tri, rọi một cái nhìn đậm tính điêu khắc vào

thói du côn của thiên nhiên man dại. Nhưng gây cảm giác “chết người” nhất là cái hút nước. Nguyễn Tuân tả hình ảnh những cái thuyền bị dòng sông nuốt vào bụng, gợi cảm giác

lạnh người: “Có những thuyền đã bị cái hút nó hút xuống, thuyền tròng ngay cây chuối ngược rồi vụt biến đi, bị chìm và đi ngầm dưới lòng sông đến mười phút sau mới thấy tan xác ở khuỷnh sông dưới”. Người ta nói văn Nguyễn Tuân là thứ văn ham cảm giác mạnh, có lẽ vì thế mà cái hút nước hiểm nguy kia trở thành một đam mê dưới ngòi bút của ông. Ông tiếp tục gây áp lực lên hệ thần kinh người đọc bằng cách bắt họ phải tự “chiêm nghiệm” cái cảm giác lạ lùng này: “Tôi sợ hãi mà nghĩ đến một anh bạn quay phim táo tợn nào muốn truyền cảm giác lạ cho khán giả, đã dững cảm ngòi vào một cái thuyền thúng tròn vành rồi cho cả thuyền cả mình cả máy quay xuống đáy cái hút Sông Đà, – từ đáy cái hút nhìn ngược lên vách thành hút mặt sông chênh nhau tới một cột nước cao đến vài sải. Thế rồi thu ảnh. Cái thuyền xoay tít, những thước phim màu cũng quay tít, cái máy lia ngược contre- plongée lên một cái mặt giếng mà thành giếng xây toàn bằng nước sông xanh ve một áng thủy tinh khối đúc dày, khối pha lê xanh như sắp vỡ tan ụp vào cả máy cả người quay phim cả người đang xem. Cái phim ảnh thu được trong lòng giếng xoay tít đáy, truyền cảm lại cho người xem phim kí sự thấy mình đang lấy gân ngòi giữ chặt ghé như ghi lấy mép một chiếc lá rừng bị vút vào một cái cốc pha lê nước không lồ vừa rút lên cái gậy đàn phèn”. Hình ảnh những cái thuyền bị cái hút nước nuốt chửng, hình ảnh cái hút nước như một cái giếng xây bằng nước sông đang xoay tít... tạo nên ở người đọc một cảm giác hình hết sức mạnh mẽ. Họ bị đặt vào trong cuộc, và cảm thấy bồi hồi vì khó bút thoát khỏi những ám ảnh đầy ma lực mà ngôn từ Nguyễn Tuân truyền tới họ. Và đọng lại cuối cùng trong lòng người đọc là một sông Đà được nhìn như một hung thần, gây cảm giác hãi hùng về cuộc quyết đấu dữ dội giữa con người và thiên nhiên đã diễn ra nơi đây hàng bao thế kỉ.

Cảm giác hình gắn với cảm giác âm nên ám ảnh của văn Nguyễn Tuân càng mạnh. Ở đây, người đọc lại hứng khởi nhận ra một đặc điểm khác của văn Nguyễn Tuân: những câu văn của ông thường liên kết trong một tính liên hoàn giàu giá trị thẩm mỹ, có khả năng thôi miên người đọc trong một chuỗi dây chuyền liên tưởng ngỡ như vô tận. Tả cái thác nước, Nguyễn Tuân viết: “Thế rồi nó rống lên như tiếng một ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu rừng tre nứa nổ lửa, đang phá tuông rừng lửa, rừng lửa cùng gầm thét với đàn trâu da cháy bùng bùng”. Đúng là một cảnh tượng man rợ như thời tiền sử. Để dò hết năng lượng thẩm mỹ của câu văn, liên tưởng của người đọc phải nối nhau trong cơ chế ba chặng: tiếng thác (rống) – tiếng trâu mộng (lồng lộn) – tiếng rừng lửa (gầm thét). Liên tưởng của Nguyễn Tuân rất lạ: âm thanh thác được động vật hóa thành tiếng gầm “trâu mộng”, nhưng cao tay nhất là lấy thác lửa (hỏa) gây một bất ngờ thẩm mỹ. Sức mạnh hoang dã của thiên nhiên qua miêu tả của Nguyễn Tuân, cứ như một trận động rừng, động đất hay nạn núi lửa thời tiền sử. Nguyễn Tuân còn chạm bút tới cái hút nước một lần nữa: “nước ặc ặc lên như vừa rót dầu sôi vào”. Hai chữ “ặc ặc” mô phỏng rất tài thứ âm thanh quái vật, khiến sông Đà như loài thủy quái bị bóp cổ đang quằn quại. (thủy) so sánh với Mặt thứ hai của sông Đà là trữ tình. Để lột tả đặc tính này của sông Đà, Nguyễn Tuân rất tâm đắc với những so sánh.

Mỗi so sánh chứa đựng một góc nhìn độc đáo, đầy tính phát hiện của nhà văn trước đối tượng thẩm mỹ của mình. Sông Đà như loài thủy quái với những nanh vuốt nơi mặt ghềnh, hút nước và thạch trận dữ hiềm, được nhà văn ví như “kẻ thù số một” của con người. Song những so sánh đậm mê nhất của Nguyễn Tuân là dành cho một Đà giang trữ tình: “Cái dây thừng ngoằn ngoèo” dưới chân người ngồi trên tàu bay nhìn xuống, cái “áng tóc trữ tình (...) ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân”; rồi lại “như một cố nhân” trong nỗi niềm du khách, như “cái miếng sáng lóe lên” trong trò chiếu gương con trẻ, như “một bờ tiền sử”, như “một nỗi niềm cổ tích ngày xưa”... Những so sánh biến hóa không trùng lặp, luôn gây men bằng những đột ngột, người đọc sững sốt vì những so sánh lạ lẫm, gây đứt quãng liên tưởng, để rồi thán phục nhận ra không thể so sánh hay hơn, đúng hơn, và cứ thế bị thôi miên vào mê hồn trận của những so sánh ăm ắp tràn bờ... Vẻ đẹp ngôn ngữ Nguyễn Tuân không đơn thuần là thứ trời cho. Nhà văn phải lao động cật lực, trong đó có khổ công quan sát. Liệu đã mấy ai đủ công phu quan sát những biến đổi tinh vi đến thế của sông Đà, với mùa xuân thì “dòng xanh ngọc bích” mùa thu thì “lừ lừ chín đỏ”, giữa hai mùa ấy là cái “màu nắng tháng ba Đường thi”... Sông Đà giàu ám ảnh trở thành nỗi nhớ thật da diết của con người. Một sông Đà góc cạnh như thế ắt cần một đối tượng giao tiếp tương xứng cỡ ông lái đò. Hình như Nguyễn Tuân tô đậm sức hấp dẫn của sông Đà là để ngầm đề cao chính ông lái đò tài ba, nghệ sĩ này chăng. Để tiếp ông khách không vừa này, sông Đà “bày thạch trận trên sông” với một thế trận bài bản theo kiểu binh pháp Tôn Tử: nào là cửa tử, cửa sinh, đánh vu hồi, đánh du kích, đánh mai phục, đánh giáp lá cà...

Sông Đà còn lắm mưu nhiều kế bày bao nhiêu mẹo lược và sự nham hiểm để sẵn sàng bóp chết con người. Ông lái đò thì nhỏ bé nhưng lại sừng sững hiện lên như một viên tướng trí dũng song toàn trước con thủy quái khổng lồ kia, với tư thế của kẻ đã nắm chắc “binh pháp của thần sông thần đá”. Để miêu tả cuộc giao tranh giữa người và thác dữ, Nguyễn Tuân có ngón chơi động từ độc đáo. Trong dăm trang kí, ông tót tới ngót 300 động từ để đủ sức ganh tài cùng con nước cuồng nộ Đà giang và trí lực ông lái phi thường. Tần số động từ đậm đặc nhất là ở trường đoạn hỗn chiến giữa người và sông nước, khiến người đọc nghẹt thở. Cơn cuồng phong động từ xô lên cùng cơn thịnh nộ sông Đà: “rồng lên, nhôm cả dậy, vồ lấy, đánh khuỷp, reo hò, thúc, đội, túm, lật ngửa, bóp chặt... Phía ông lái, động từ cũng hợp sức tạo nên thế cưỡi hổ tung hoành: nắm chặt, ghi cương, bám chắc, phóng nhanh, lái miết, đề sấn, chặt đôi, phóng thẳng, chọc thủng... Hai hệ thống động từ đối chọi, tương phản gay gắt, nhưng đọc kĩ, vẫn thấy nổi lên thế chủ động, thế lấn lướt của ông lái đò. Hãy xem tiếp động từ phát huy sức mạnh như thế nào trong đoạn văn sau đây của Nguyễn Tuân: “Dòng thác hùm beo đang hồng hộc té mạnh trên sông đá. Nắm chặt lấy được cái bờm sóng đúng luồng rồi, ông đò ghi cương lái, bám chắc lấy luồng nước đúng mà phóng nhanh vào cửa sinh, mà lái miết một đường chéo về phía cửa đá ấy. Bốn năm bọn thủy quân cửa ải

nước bên bờ liền xô ra định níu thuyền lôi vào tập đoàn cửa tử. Ông dò vẫn nhớ mặt bọn mày, đứa thì ông tránh mà rảo bơi chèo lên, đứa thì ông dè sấn lên mà chặt đôi ra để mở đường tiến...”. Quả là một bức tranh chiến trận hào hùng, ngôn ngữ Nguyễn Tuân há hê tụng ca con người trong cuộc quyết đấu với thiên nhiên để giành sự sống. Văn Nguyễn Tuân mang vẻ đẹp của sự tổng hòa văn hóa. Năng văn của ông thật quảng giao đón du khách từ bốn phương trời kiến thức: lịch sử, địa lí, quân sự, võ thuật, điện ảnh, hội họa, điêu khắc, âm nhạc... Những kiến thức liên ngành đa dạng ấy tạo bề dày uyên bác trong vốn tri thức của nhà văn, nâng cho đôi cánh tài hoa bay bổng. Có thể coi Nguyễn Tuân là người đã nắm vững “binh pháp của ngôn ngữ”. Với một ý thức ngôn từ mới mẻ, hiện đại, Nguyễn Tuân đã truyền hồn cho chữ, chữ truyền hồn cho dòng sông, và dòng sông truyền xúc cảm vào người đọc. Song luận gì về Nguyễn Tuân cũng chớ quên văn ông không chỉ là tòa lâu đài chữ nghĩa mà còn là bể thẳm tâm hồn. Nhiều người từng than phiền văn Nguyễn Tuân cầu kì, rắc rối. Trước Cách mạng tháng Tám, Nguyễn Tuân tự nhận xét: “Ngôn ngữ của Nguyễn lũng càn lũng củng, dấm dẩn cứ như dấm vào họng. Đọc lên nghĩa tối quá lời sấm ông trạng. Nguyễn cứ lập ngôn một cách bướng bỉnh vì đòi nó ngu thế thì không bướng bỉnh sao được” (Đôi tri kỉ gương). Nay ngôn ngữ Nguyễn Tuân là ngôn ngữ của một công dân đầy trách nhiệm trước một nước Việt Nam mới. Ông lái Nguyễn Tuân đã chở con đò chữ không chỉ bằng bàn tay khéo dùng từ, đặt câu mà còn bằng tình yêu tha thiết thiên nhiên và con người lao động xây dựng cuộc đời. Xin chiêm ngưỡng tấm lòng thơ của nhà văn ẩn trong câu văn òa ập nổi niềm này: “Nói chuyện với người lái đò, như càng lai láng thêm cái lòng muốn đề thơ vào sông nước”.